

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG ²

- 1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Quảng Lâm
- 2. Trụ sở chính:** Bản Trạm Púng, xã Quảng Lâm, tỉnh Điện Biên.
Địa chỉ hoạt động khác: Không
Số điện thoại: 0824697622
Địa chỉ thư điện tử: mnquanglam.mnql.ql@ms.dienbien.edu.vn
Website: <https://mnquanglam.muongnhe.edu.vn/admin/>

- 3. Loại hình cơ sở giáo dục:** Công lập
Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Quảng Lâm

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường

a. Sứ mạng Trường Quảng Lâm: Cam kết tạo ra một môi trường học tập tích cực, nơi mỗi học sinh được tôn trọng, an toàn và yêu thương. Chúng tôi hướng đến việc phát triển toàn diện các em học sinh, không chỉ về kiến thức mà còn về kỹ năng sống và phẩm chất nhân cách, thông qua sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

b. Tầm nhìn

Trở thành Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia sắp tới trong việc xây dựng một môi trường học tập hạnh phúc, nơi mọi thành viên trong cộng đồng trường học cảm thấy được tôn trọng, an toàn và yêu thương. Chúng tôi hướng đến việc phát triển học sinh thành những công dân toàn cầu có phẩm chất tốt, kỹ năng vượt trội và lòng nhân ái.

c. Mục tiêu

+ Tôn Trọng:

- Xây dựng và duy trì một văn hóa tôn trọng lẫn nhau trong mọi hoạt động của trường, từ học sinh, giáo viên đến phụ huynh và cộng đồng.
- Đảm bảo rằng mọi ý kiến, nhu cầu và cảm xúc của học sinh và nhân viên đều được lắng nghe và phản hồi tích cực.

+ An Toàn:

- Đảm bảo môi trường học tập an toàn cho trẻ cả về thể chất lẫn tinh thần, phòng ngừa và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường và sự xâm phạm quyền lợi của học sinh.
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và an ninh nhằm bảo vệ học sinh khỏi mọi nguy cơ bên ngoài và bên trong nhà trường.

+ Yêu Thương:

- Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nơi mỗi học sinh cảm thấy được yêu thương và quan tâm, khuyến khích sự phát triển toàn diện của các em.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ để củng cố tình bạn, sự đồng cảm và sự đoàn kết trong cộng đồng học đường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

5.1. Quá trình hình thành

- Ngày thành lập: Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Mường Nhé về việc thành lập trường Mầm non Quảng Lâm xã Quảng Lâm. Trường có 1 điểm trung tâm và 07 điểm trường nằm trên địa bàn xã Quảng Lâm, tỉnh Điện Biên. Trên 10 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Trường mầm non Quảng Lâm là cơ sở giáo dục công lập của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Nhà trường hỗ trợ các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trên cùng một địa bàn theo sự phân công của cấp có thẩm quyền và thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Điều 2 của Điều lệ Trường Mầm non.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tham mưu trực tiếp với UBND xã về xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cũng như là công tác nâng cao chất lượng dạy và học của địa phương. Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5.2. Quá trình phát triển

Nhà trường được chia tách thành lập từ năm 2007, tách từ trường Tiểu học Quảng Lâm theo QĐ số 707, ngày 01 tháng 06 năm 2007 của UBND huyện Mường Nhé, hơn chục năm chia tách và thành lập nhà trường đạt được một số kết quả nhất định. Trường đã nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên Tiến, cờ thi đua của Tỉnh và nhận được nhiều Bằng khen của UBND Tỉnh; Giấy khen từ các cấp, ngành và địa phương, thể hiện sự cam kết vững chắc trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cho các thế hệ học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn -

Họ và tên: Lò Thị Hạnh

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Quảng Lâm- Huyện Mường Nhé – Tỉnh Điện Biên

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trường là: 27 người
- Trong đó: Ban giám hiệu: 03 người; Giáo viên 20 người; Nhân viên 04 người.
- Trình độ đào tạo chuyên môn của cán bộ, giáo viên, nhân viên trường là: + Đại học: 17 người

- + Cao Đẳng: 08 người
- + Trung cấp: 01 người
- + Khác: 01 người
- Xếp loại theo chuẩn theo chức danh nghề nghiệp như sau:
- + Giáo viên mầm non Hạng II: 14
- + Giáo viên mầm non Hạng III: 09
- + Giáo viên mầm non Hạng IV: 0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.
- Tổng số điểm trường: 01 Điểm trường chính và 07 điểm trường lẻ
- Tổng diện tích đất là 5.583m².
- Tổng số phòng: 14 phòng kiên cố. Trong đó có:
 - + Nhà trẻ: 01 phòng
 - + Mẫu giáo: 013 phòng
 - + Số phòng học đảm bảo 01 phòng/lớp theo quy định.
- Trường có sân chơi và đồ chơi ngoài trời đảm bảo cho công tác giảng dạy, vui chơi học tập của học sinh.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số 2,1 m ² /1trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	Số 2,1 m ² /1trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
III	Số điểm trường	07	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5.583m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	618m ²	1m ² /trẻ nhà trẻ 2m ² /trẻ MG
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	624m ²	2,01 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0

3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		130m ²	0,42 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		0154,5m ²	0, 50m ² /trẻ em
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>		0	0
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>		0	0
7	Diện tích kho (m ²)		6 m ²	
8	Diện tích Nhà bếp		84m ²	0,31m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		14	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		10	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		4	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		8	Số 1 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số ...)		6	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		bóng đèn 44; quạt trần 27	Số thiết bị/nhóm (lớp)
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em

			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	0		130m ²	x	0,42 m ² /trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				
						Có Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh					x
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)					x
XIV	Kết nối internet					x
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục					x
XVI	Tường rào xây					x

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Hiện tại, nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, hướng tới nhà trường phân đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm học 2026- 2027).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

Trường mầm non Quảng Lâm trong những năm qua thực hiện tốt Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành, kết quả triển khai và thực hiện kế hoạch luôn phân đầu năm sau cao hơn năm trước. Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường luôn duy trì tốt. Trẻ được thực hành trải nghiệm vừa học, vừa chơi trong môi trường giáo dục có chất lượng, phù hợp yêu cầu chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo từng chủ đề, trên cơ sở thực hiện tốt đánh giá sự phát triển của trẻ ở cuối tuổi. Đa số trẻ học tập, vui chơi tích cực có nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, vệ sinh. Trẻ mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia vào các hoạt động, duy trì tốt tỷ lệ chuyên cần hàng năm. Nhà trường kết hợp phụ huynh có nhiều biện pháp để chăm sóc sức khỏe trẻ tốt hơn nhằm hạn chế trẻ suy dinh dưỡng và giảm tỷ lệ béo phì nhằm đảm bảo sức khỏe tốt cho trẻ.

ST T	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
---------	----------	---------	----------

I	Chất lượng giáo dục trẻ đạt được	* Trẻ 2 tuổi: - Bé chăm: 27 đạt 100% - Bé ngoan: 27 đạt 100 % - Bé sạch: 27 đạt 100 % - Trẻ đạt MT: 26 đạt 96,3 % - Trẻ chưa đạt MT: 01 đạt 3,7%	- Thực hiện theo quy định, điều lệ trường mầm non. * Trẻ 5 tuổi: - Bé chăm: 110 đạt 100% - Bé ngoan: 110 đạt 100 % - Bé sạch: 110 đạt 100 % - Trẻ đạt MT: 109 đạt 100 % - Trẻ chưa đạt MT: 0 đạt 0% * Trẻ 4 tuổi: - Bé chăm: 83 đạt 100% - Bé ngoan: 83 đạt 100 % - Bé sạch: 83 đạt 100 % - Trẻ đạt MT: 81 đạt 98,78 % - Trẻ chưa đạt MT: 01 đạt 1,22% (01 trẻ khuyết tật không đánh giá) * Trẻ 3 tuổi: - Bé chăm: 100 đạt 100% - Bé ngoan: 100 đạt 100 % - Bé sạch: 100 đạt 100 % - Trẻ đạt MT: 95 đạt 95 % - Trẻ chưa đạt MT: 05 đạt 5%
	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc	- Cân nặng bình thường: 27/27 đạt 100% - SDD thể nhẹ cân: 0 - SDD thể nhẹ cân mức độ nặng: 0 - Thừa cân, béo phì: 0 - Chiều cao bình thường: 26/27 đạt 96,3% - SDD thể thấp còi: 01/27 chiếm 3,7% - SDD thể thấp còi mức độ nặng: 0	- Cân nặng bình thường: 291/293 đạt 99,3% - SDD thể nhẹ cân: 2/293 chiếm 0,7% - SDD thể nhẹ cân mức độ nặng: 0/293 - Thừa cân, béo phì: 0/293 - Chiều cao bình thường: 286/293 đạt 96,4% - SDD thể thấp còi: 7/293 chiếm 3,6% - SDD thể thấp còi mức độ nặng: 0/293

II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện		Thực hiện chương trình GDMN đổi mới (35 tuần)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển		- Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng. - Giáo dục những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng nhằm giúp trẻ có nền tảng tốt để chuẩn bị cho các lớp học tiếp theo trẻ học tốt hơn.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở		- Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp cho phong phú để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ ngày càng tốt hơn.
	cơ sở giáo dục mầm non		- Cải tạo sân chơi, vườn hoa của bé, vườn rau của bé xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp thoáng mát. - Thực hiện kết nối mạng Wifi toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy đảm bảo kịp thời.

*** Thông tin về nhóm trẻ**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo					
			25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	Ghép 3+4	Ghép 4+5	Ghép 3+4+5
I	Tổng số trẻ em	320	27	37	26	29	15	26	160
1	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	320	27	37	26	29	15	26	160
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập				01	01			
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	320	27	37	26	29	15	26	160
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	320	27	37	26	29	15	26	160
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	320	27	37	26	29	15	26	160

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

- Thực hiện nghiêm đúng quy định về thu chi của bộ tài chính.
- Niêm yết và công khai của phòng kế toán.
- Chi lương và các chế độ kịp thời.

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	So sánh	
				Thực hiện/ Dự toán (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay/Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				

	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.969.107.300	3.862.307.633	55%	115%
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.969.107.300	3.862.307.633	55%	115%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.969.107.300	3.862.307.633	55%	115%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.940.481.000	2.926.185.043	49%	116%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.028.626.300	936.122.590	91%	113%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

- Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện tốt kế hoạch phổ cập giáo dục trẻ em 5 tuổi.
- Quản lý các hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.
- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa hoặc theo yêu cầu tối thiểu đối với vùng đặc biệt khó khăn.
- Phối hợp với gia đình trẻ em, tổ chức và cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
- Thực hiện kiểm định chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Lò Thị Hạnh